

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 10/2023/DSST

Ngày: 22/6/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Hằng và bà Hồ Thị Huyền

- Thư ký phiên Tòa: Bà Phan Lê Giang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu – Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Phương Quỳnh.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án huyện Quỳnh Lưu, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 60/2022/TLST- DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hồ Đức C, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Hồ Thị T, sinh năm 1986. Có mặt

Nơi cư trú: Thôn M, xã A, huyện L, tỉnh Nghệ An.

- Bị đơn: Anh Hồ Đức T, sinh năm 1996. Vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã B, huyện L, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện 21/9/2022, biên bản lấy lời khai ngày 24/10/2022 của nguyên đơn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Hồ Thị T trình bày:

Nguyên đơn anh Hồ Đức C và bị đơn anh Hồ Đức T là anh em họ hàng quen biết. Ngày 01/12/2019 dương lịch, anh có cho anh Hồ Đức T vay số tiền

300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng), khi vay hạn 20 ngày sau sẽ trả hết số tiền trên. Đến thời hạn trả nợ, anh T mới trả được 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) nên có hạn trả số tiền còn lại. Ngày 20/12/2019 anh T có viết giấy vay tiền với số tiền 284.000.000đ (Hai trăm tám mươi tư triệu đồng). Thời hạn vay 1 năm kể từ ngày 20/12/2019, không thỏa thuận về lãi suất. Do anh C không viết được nên toàn bộ chữ viết trong giấy vay tiền đều là do anh T viết và ký vào phần người vay. Kể từ ngày 20/12/2019 đến nay anh T trả cho anh C nhiều lần với tổng số tiền 35.000.000đ. Đến thời hạn trả, anh T cũng không trả số tiền còn lại. Hiện anh T còn nợ anh số tiền 249.000.000đ (hai trăm bốn mươi chín triệu đồng). Anh đã nhiều lần yêu cầu anh T trả số tiền trên nhưng anh T không trả. Quá trình giải quyết vụ án cho đến khi Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, nguyên đơn kiện yêu cầu anh T trả cho anh số tiền tính đến ngày 21/9/2022 là 292.575.000đ (Hai trăm chín mươi hai triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc 249.000.000đ, tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tính đến ngày 21/9/2021 là 1 năm 09 tháng x 10%/năm x 249.000.000đ là 43.575.000đ. Kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực nếu anh T không tự nguyện thi hành, hàng tháng anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 BLDS 2015. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn anh Hồ Đức T phải trả cho anh Hồ Đức C số tiền 249.000.000đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng), không yêu cầu lãi suất.

Theo bản tự khai ngày 01/11/2022 bị đơn anh Hồ Đức T trình bày:

Vào khoảng tháng 3/2018 do cần tiền để công việc, anh có mượn của anh Hồ Đức C số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng), lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, hạn 3 tháng trả tiền gốc, tiền lãi thanh toán hàng tháng. Trong thời gian vay anh trả cho anh C gần 30.000.000đ tiền lãi suất, đưa trong vòng hai hay ba lần vì thời gian lâu nên anh không nhớ chính xác, anh có hạn khi nào trả gốc thì tính tiền lãi cụ thể, thiếu bao nhiêu thì gửi thêm. Tại thời điểm vay không viết giấy vay tiền. Sau thời gian làm ăn thất bại, kinh tế không đủ khả năng chi trả tiền lãi và tiền gốc nên anh đã gọi anh C xin không tính lãi suất, trả dần tiền gốc. Khi gọi cho anh C là vào buổi trưa đi cưới bạn về ngày 20/12/2019, lúc đó anh có uống rượu từ trước, anh C có gọi gặp anh để làm việc. Lúc đó anh C và anh trai anh C bắt anh viết giấy nợ với số tiền vượt quá nhiều so với số tiền vay và nói viết rồi cho trả dần, nếu anh không viết sẽ đăng lên mạng facebook về vấn đề vay nợ trên. Do lúc đó không đủ tỉnh táo và sợ bị đăng lên mạng xã hội nên anh đã viết giấy vay tiền do anh Hồ Đức

C đọc. Nay anh C khởi kiện yêu cầu anh trả số tiền 246.000.000đ anh đề nghị Tòa án làm rõ số tiền trên vì anh C đã tính không số tiền trên, lấy lại danh dự cho anh vì người nhà anh C đã đăng anh lên mạng xã hội lừa đảo kèm theo hình ảnh của anh. Hiện nay anh không có khả năng trả số tiền như anh C yêu cầu, hiện anh cũng chỉ nợ anh C số tiền 80.000.000đ và đề nghị anh C cho trả dần trong hai năm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về thẩm quyền thụ lý vụ án; Xác định tư cách tham gia tố tụng; Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Việc cấp tổng đạt các thủ tục tố tụng cho Viện kiểm sát và các đương sự; Thời hạn chuẩn bị xét xử là đều đúng quy định của BLTTDS. Về xác định quan hệ tranh chấp: Thẩm phán thụ lý quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ các quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS, ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 117, 357, 463, 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Hồ Đức T phải trả cho anh Hồ Đức C số tiền nợ gốc còn lại là 249.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 20/12/2019. Tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không yêu cầu lãi suất nên miễn xét.

Án phí: Buộc anh Hồ Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định.

1. Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền theo giấy vay tiền ngày 20/12/2019 nên đây là vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS 2015.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn anh Hồ Đức T có nơi cư trú tại: xóm Đ, xã B, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu.

1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn anh Hồ Đức T nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do nên căn cứ Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung:

2.1. Yêu cầu về tiền gốc:

Nguyên đơn anh Hồ Đức C cung cấp 01 giấy vay tiền bản chính ngày 20/12/2019 có nội dung anh Hồ Đức T vay của anh C số tiền 284.000.000đ (hai trăm tám mươi tư triệu đồng), thời hạn 1 năm tính từ ngày vay. Nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận giấy vay tiền ngày 20/12/2019 do anh Hồ Đức T viết và ký vào phần “Người vay”. Việc anh T cho rằng anh chỉ vay của anh C số tiền 80.000.000đ vào năm 2018 không phải là 284.000.000đ như trong giấy vay tiền do anh C cung cấp, anh viết giấy vay tiền trong tình trạng có uống rượu, bị đe dọa, nội dung là do anh C đọc nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, không có ai chứng kiến nên HĐXX không có cơ sở để xem xét.

HĐXX xác định khi thực hiện giao dịch các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn, bị đơn là hợp pháp, đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Trong giấy vay tiền không có thỏa thuận về lãi suất, bị đơn khai quá trình vay số tiền 80.000.000đ vào năm 2018 lãi suất là 5.000đ/triệu/ngày nhưng không có tài liệu chứng minh, thời hạn trả nợ là 01 năm tính từ ngày vay nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn, không có lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015.

Quá trình vay nợ, nguyên đơn cho rằng anh T đã trả được tổng số tiền 35.000.000đ trả vào nhiều lần nhưng không có tài liệu chứng minh, bị đơn cho rằng anh đã trả được cho anh C 2, 3 lần tiền lãi suất 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), cũng không có tài liệu chứng minh. Căn cứ vào lời khai của các đương sự, theo hướng có lợi cho các bên, HĐXX xác định anh T đã trả cho anh C được số tiền 35.000.000đ, do trong giấy vay tiền không có thỏa thuận về tiền lãi nên số tiền

đã trả được xác định là tiền gốc, buộc anh T phải trả cho anh C số tiền gốc còn lại là 249.000.000đ (hai trăm bốn mươi chín triệu đồng) là có căn cứ, được chấp nhận.

2.2. Yêu cầu về lãi suất:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bị đơn anh Hồ Đức T trả cho anh Hồ Đức C tiền lãi suất. HĐXX nhận thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nằm trong phạm vi ủy quyền, không vượt quá yêu cầu khởi kiện nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Hồ Đức T phải chịu 12.450.000đ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn anh Hồ Đức C số tiền 7.314.000đ (Bảy triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007999 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 117, 357, 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hồ Đức C.

1. Buộc anh Hồ Đức T phải trả cho anh Hồ Đức C số tiền gốc còn lại là 249.000.000đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu đồng), không yêu cầu lãi suất.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật THADS. Thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật THADS.

2. Án phí: Anh Hồ Đức T phải chịu 12.450.000đ (Mười hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho nguyên đơn anh Hồ Đức C số tiền 7.314.000đ (Bảy triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007999 ngày 14/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu.

3. Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh Hồ Đức T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND h Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS h Quỳnh Lưu;
- TAND tỉnh Nghệ An.
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ

